

Số: 4932 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 04 tháng 12 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5  
với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn quận Kiến An

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 về việc quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023 phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; số 1516/QĐ-TTg ngày 02/12/2023 phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn quận Kiến An;

Căn cứ Quyết định số 1844/QĐ-UBND ngày 14/6/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 quận Kiến An đến năm 2040;



Căn cứ Quyết định số 152/2025/QĐ-UBND ngày 09/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 389/TTr-SXD ngày 02/12/2025 và Công văn số 10469/SXD-KTQLĐTXD ngày 02/12/2025; của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng tại Tờ trình số 184/TTr-BQL ngày 28/11/2025.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn quận Kiến An, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 đoạn qua địa bàn quận Kiến An.

2. Địa điểm xây dựng, hướng tuyến công trình và diện tích sử dụng đất:

- Địa điểm xây dựng: Tại các phường Kiến An, Phù Liễn và xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.

- Hướng tuyến xây dựng công trình: Dự án có điểm đầu giao đường dẫn cầu Lãm Khê tại khoảng Km9+800 (theo lý trình đường Bùi Viện), thuộc địa bàn phường Kiến An, thành phố Hải Phòng. Điểm cuối kết nối với đường gom cao tốc Hà Nội - Hải Phòng thuộc xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng; hướng tuyến Dự án đi bám theo Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30/3/2023.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 53,59 ha.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty Tư vấn công trình Châu Á Thái Bình Dương.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:

- Nhóm dự án: Nhóm A.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp đặc biệt.
- Thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế:
- + Công trình cầu, hầm: 100 năm.
- + Kết cấu áo đường: 15 năm.

#### 7. Mục tiêu dự án đầu tư:

- Tạo ra tuyến đường mới kết nối khu vực trung tâm với các huyện phía Nam của thành phố cũng như kết nối giữa các tuyến Quốc lộ 5, Quốc lộ 10 giúp vận chuyển hàng hóa, hành khách, đảm bảo an toàn giao thông, góp phần giảm tai nạn giao thông. Nhằm giảm tải cho tuyến đường kết nối từ trung tâm thành phố Hải Phòng đến các xã, phường lân cận (*Kiến An, Phù Liễn, Kiến Thụy, An Hưng, An Lão, Tiên Lãng...*) thông qua các tuyến Đường tỉnh 354, đường Trần Nhân Tông; chia sẻ giao thông cho các tuyến đường tỉnh và đường đô thị hiện hữu trong khu vực; thông qua đó nâng cao an toàn giao thông.

- Từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng khung đô thị các phường Kiến An, Phù Liễn và xã Kiến Thụy; là tiền đề để phát triển các khu vực đô thị mới, góp phần xây dựng đô thị Kiến An, Phù Liễn hiện đại, hoàn chỉnh theo Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng.

- Tạo ra nhân tố thuận lợi để khuyến khích thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước đầu tư phát triển kinh tế - xã hội địa bàn các xã, phường: Kiến An, Phù Liễn, Kiến Thụy nói riêng và thành phố Hải Phòng nói chung. Từng bước hoàn thiện tuyến đường nối Quốc lộ 5 với Quốc lộ 10 theo quy hoạch, tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố cũng như đảm bảo an ninh - quốc phòng.

#### 8. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Xây dựng mới tuyến đường nối Quốc lộ 5 - Quốc lộ 10 đoạn từ đường Bùi Viện đến cao tốc Hà Nội - Hải Phòng có chiều dài khoảng 7,46 km, chiều rộng nền đường  $B_{nền} = 43,5 \div 50,5$  m; gồm: mỗi chiều 03 làn xe ô tô và 01 dải đường bên; chiều rộng mặt đường  $B_{mặt} = 2 \times (3 \times 3,75) = 22,5$  m, dải an toàn  $B_{dat} = 4 \times 0,5 = 2,0$  m, dải phân cách giữa  $B_{dpc} = 2,0$  m, dải phân cách bên  $B_{dpcb} = 2 \times 1,0 = 2,0$  m, mặt đường bên  $B_{dg} = 2 \times 6,0 = 12,0$  m, hè đường  $B_{he} = 2 \times 5,0 = 10,0$  m (*đoạn qua khu dân cư*) hoặc lề đường  $B_{le} = 2 \times 1,5 = 3,0$  m và taluy (*đoạn ngoài khu dân cư*).

- Xây dựng 01 cầu vượt qua sông Đa Độ bằng bê tông cốt thép dự ứng lực, có chiều dài khoảng 129,2 m, chiều rộng 40,5m, tải trọng thiết kế HL-93, kích thước thông thuyền  $B \times H = 30,0 \times 5,0$  m. Cầu gồm 03 nhịp dầm Super T bố trí theo sơ đồ (40,0+42,0+40,0)m. Mố, trụ cầu bằng BTCT đặt trên nền móng cọc khoan nhồi đường kính  $D=1,2$  m. Đường dẫn sau mố thiết kế dạng tường chắn hộp bằng BTCT đổ tại chỗ có tổng chiều dài 140,0m (*phía phường Phù Liễn dài 60,0m, phía xã Kiến Thụy dài 80,0m*).

- Nút giao trên tuyến:

+ Xây dựng nút giao khác mức với đường Bùi Viện hoàn chỉnh dạng Trompet, gồm: (1) Hàm trên tuyến chính qua đường Bùi Viện với quy mô 04 làn xe có tổng bề rộng trong lòng hàm  $B_{\text{hàm}} = 17,2\text{m}$ , tính không đứng hàm  $H \geq 4,75\text{m}$ ; (2) Nhánh cầu vượt rẽ phải từ cầu Lãm Khê kết nối về tuyến chính, chiều dài cầu khoảng 263,7m, chiều rộng cầu  $B_{\text{cầu}} = 8,0\text{m}$ , tính không chui dưới cầu  $H \geq 4,75\text{m}$ ; Cầu gồm 08 nhịp dầm bản rộng liên tục bằng bê tông cốt thép và bê tông cốt thép DUL có sơ đồ  $(2 \times 35,0 + 30,0 + 5 \times 32,0)\text{m}$ . Mố, trụ cầu bằng bê tông cốt thép đặt trên nền móng cọc khoan nhồi đường kính  $D=1,2\text{m}$ . Đường dẫn sau mố thiết kế dạng tường chắn hộp bê tông cốt thép có chiều dài khoảng 60,0m và tường chắn L có chiều dài 40,0m; (3) Đường gom kết nối đường Bùi Viện, đường Đồng Tâm với đường Trường Chinh, quy mô 02 làn xe; 02 đường gom tiếp giáp cầu nhánh và hàm Bùi Viện, rẽ phải theo hướng từ đường Trường Chinh đi tuyến chính và hướng từ tuyến chính đi đường Bùi Viện với quy mô 03 làn xe; đường gom hai bên cầu Lãm Khê hiện trạng mở rộng đủ quy mô 03 làn xe.

+ Xây dựng nút giao khác mức giữa đường Trường Chinh với đường Bùi Viện để hạn chế các xung đột giao thông, gồm: (1) Hàm chui dọc đường Trường Chinh (*khuvực dưới cầu Lãm Khê*) có quy mô 04 làn xe, bề rộng trong lòng hàm  $B_{\text{hàm}} = 17,2\text{m}$ , tính không đứng hàm  $H \geq 4,75\text{m}$ ; (2) Nút giao thông cùng mức dạng đảo xuyên kết nối đường gom hai bên hàm có quy mô 02 làn xe.

+ Đầu tư xây dựng các nút giao cùng mức với đường địa phương.

- Các hạng mục khác: Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật trên tuyến, gồm: trạm bơm thoát nước hầm, thoát nước mặt, thoát nước thải, điện chiếu sáng, cây xanh, báo hiệu, hạ tầng khác có liên quan và an toàn giao thông, ...

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Số bước thiết kế: 03 bước (*bao gồm: Thiết kế cơ sở, Thiết kế kỹ thuật và Thiết kế bản vẽ thi công*).

- Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng: Theo phụ lục đính kèm.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng: **5.273.435.482.000 đồng** (*Năm nghìn, hai trăm bảy mươi ba tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng*), cụ thể:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:	1.940.174.841.000 đồng
- Chi phí xây dựng, thiết bị:	2.553.953.728.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	22.552.698.000 đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	141.331.618.000 đồng
- Chi phí khác:	42.243.842.000 đồng
- Chi phí dự phòng:	573.178.755.000 đồng

11. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025-2029.

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách thành phố.
- Kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Theo tiến độ thực hiện dự án và khả năng cân đối vốn của thành phố.

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành.

14. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

Ủy ban nhân dân các xã, phường: Kiến An, Phù Liễn, Kiến Thụy thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư cho người có đất thu hồi theo quy định của pháp luật, bảo đảm bàn giao mặt bằng để thi công xây dựng công trình đúng tiến độ được phê duyệt.

15. Đối tượng tiếp nhận tài sản sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng:

- Đối với hạng mục hầm chui, cầu vượt, đường giao thông, nút giao và các công trình hạ tầng kỹ thuật: Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng.

- Đối với hạng mục hoàn trả kênh mương và các công trình thủy lợi: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các phường Kiến An, Phù Liễn và xã Kiến Thụy.

- Đối với hệ thống đường dây cấp điện đến trạm biến áp, hoàn trả điện: Chủ đầu tư phối hợp với Công ty Điện lực Hải Phòng tổ chức thực hiện các thủ tục chuyên giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam quản lý theo quy định của Luật Điện lực năm 2024; Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 10/01/2024 của Chính phủ về việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Đối với hạng mục cấp nước và hòng cứu hỏa: Chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức bàn giao cho Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản hạ tầng cấp nước sạch.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng:

- Tổ chức thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.
- Quản lý, sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư theo quy định.

- Triển khai thực hiện dự án theo đúng các quy định của Nhà nước về quản lý quy hoạch, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chi phí, quản lý chất lượng công trình xây dựng. Tuân thủ các quy định về thiết kế, giám sát, thi công, nghiệm thu, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan. Tổ chức bàn giao các hạng mục công trình cho các cơ quan để quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo quy định.

2. Giao các Sở, ngành: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát và hướng dẫn Chủ đầu tư thực hiện theo đúng quy định.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Khu vực III; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường: Kiến An, Phù Liễn, Kiến Thụy; Tổng Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng và Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Phòng: XD&CT, TC, NNMT, NV&KTGS;
- Lưu: VT, H.Hà. *Come*



**KT CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Anh Quân**

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG**  
*(Kèm theo Quyết định số 4932/QĐ-UBND ngày 04/12/2025*  
*của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**1. Các Quy chuẩn áp dụng**

TT	Tên quy chuẩn	Mã hiệu
<b>I</b>	<b>Quy chuẩn khảo sát</b>	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	QCVN 01:2021/BXD
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng	QCVN 02:2022/BXD
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng	QCVN 03:2022/BXD
4	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình	QCVN 06:2022/BXD Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD
5	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật	QCVN 07:2023/BXD
6	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo tiếp cận sử dụng	QCVN 10:2024/BXD
7	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng	QCVN 16:2023/BXD
8	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong thi công xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
9	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa	QCVN 39:2020/BGTVT
10	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
11	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vật liệu và hàn thiết bị áp lực trong giao thông vận tải	QCVN 71:2014/BGTVT
12	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường bộ cao tốc	QCVN 117:2024/BGTVT
13	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép làm cốt bê tông	QCVN 07:2019/BKHCN
14	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED	QCVN 19:2019/BKHCN
15	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất	QCVN 03:2023/BTNMT
16	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ	QCVN 04:2009/BTNMT
17	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí	QCVN 05:2023/BTNMT
18	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt	QCVN 08:2023/BTNMT
19	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất	QCVN 09:2023/BTNMT
20	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008/BTNMT

TT	Tên quy chuẩn	Mã hiệu
21	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự báo, cảnh báo lũ	QCVN 18:2019/BTNMT
22	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn	QCVN 26:2010/BTNMT
23	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung	QCVN 27:2010/BTNMT
24	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đánh giá chất lượng dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	QCVN 84:2024/BTNMT
25	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn	QCVN 47:2022/BTNMT
26	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kỹ thuật điện (tập 5, 6, 7, 8)	QCVN QTĐ-5÷7:2009/BCT QCVN QTĐ-8:2010/BCT
27	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện	QCVN 25:2025/BCT
28	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rà phá bom mìn vật nổ	QCVN 01:2022/BQP

## 2. Các tiêu chuẩn áp dụng

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
<b>I</b>	<b>Tiêu chuẩn khảo sát</b>	
1	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
2	Quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000.	Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015
3	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
4	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GNSS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2024
5	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31: 2020/TCĐBVN
6	Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô đắp trên nền đất yếu	TCCS 41:2022/TCĐBVN
7	Khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437:2012
8	Công trình phòng chống đất sụt trên đường ô tô - Yêu cầu khảo sát và thiết kế	TCVN 13346:2021
9	Chỉ dẫn kỹ thuật công tác khảo sát địa chất công trình cho xây dựng vùng Các-tơ	TCVN 9402:2012
10	Kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường	Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021
11	Áo đường mềm - Xác định độ võng đàn hồi bằng phương pháp cần Benkelman	TCVN 8867:2025
12	Đất, đá xây dựng - Phân loại	TCVN 5746:2024

<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chuẩn</b>	<b>Mã hiệu</b>
13	Chất lượng đất - Lấy mẫu	TCVN 7538-1:2006 TCVN 7538-2,3:2005 TCVN 7538-4,5:2007 TCVN 7538-6:2010
14	Đất xây dựng - Phương pháp lấy, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683:2012
15	Đất xây dựng - Phương pháp xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012
16	Đất xây dựng - Phương pháp xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012
17	Đất xây dựng - Phương pháp xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy trong phòng thí nghiệm	TCVN 4197:2012
18	Đất xây dựng - Phương pháp xác định thành phần hạt trong phòng thí nghiệm	TCVN 4198:2014
19	Đất xây dựng - Phương pháp xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4199:1995
20	Đất xây dựng - Phương pháp xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012
21	Đất xây dựng - Phương pháp xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012
22	Đất xây dựng - Phương pháp xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012
23	Đất, chất thải sinh học đã xử lý và bùn - Xác định pH	TCVN 5979:2021
24	Thí nghiệm xác định sức kháng cắt không cố kết - Không thoát nước và cố kết - Thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục	TCVN 8868:2011
25	Quy trình đo áp lực nước lỗ rỗng trong đất	TCVN 8869:2011
26	Đất xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén một trục nở hông	TCVN 9438:2012
27	Đất xây dựng - Phương pháp phóng xạ xác định độ ẩm và độ chặt của đất tại hiện trường	TCVN 9350:2012
28	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012
29	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9352:2012
30	Đất xây dựng - Phương pháp xác định môđun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
31	Đất xây dựng - Thí nghiệm cắt cánh hiện trường cho đất dính	TCVN 10184:2021

<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chuẩn</b>	<b>Mã hiệu</b>
32	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén một trục trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
33	Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
34	Quan trắc khí tượng thủy văn	TCVN 12636-1÷3:2019 TCVN 12636-4÷9:2020 TCVN 12636-10÷13:2021 TCVN 12636-14÷15:2023 TCVN 12636-16÷17:2024 TCVN 12636-18:2025
35	Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế	TCVN 13615:2022
<b>II</b>	<b>Tiêu chuẩn thiết kế đường</b>	
1	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13592:2022
2	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054:2005
3	Đường ô tô cao tốc - Yêu cầu thiết kế	TCVN 5729:2012
4	Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế	TCVN 10380:2014
5	Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu	TCCS 41:2022/TCĐBVN Sửa đổi 1:2022 TCCS 41:2022/TCĐBVN
6	Yêu cầu thiết kế, thi công, nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu	TCVN 9844:2013
7	Gia cố nền đất yếu - Phương pháp trụ đất xi măng	TCVN 9403:2012
8	Công trình thủy lợi - Cọc xi măng đất thi công theo phương pháp Jet-grouting - Yêu cầu thiết kế thi công và nghiệm thu cho xử lý nền đất yếu	TCVN 9906:2014
9	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
10	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022/TCĐBVN
11	Lớp vật liệu tái chế nguội tại chỗ dùng cho kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 13150-1,2:2020 TCVN 13150-3:2024
12	Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế	TCVN 7957:2023

<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chuẩn</b>	<b>Mã hiệu</b>
13	Gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế	TCCS 34:2020/TCĐBVN
14	Ống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012
15	Cống hộp bê tông cốt thép	TCVN 9116:2012
16	Gói cống bê tông đúc sẵn	TCVN 10799:2015
<b>III</b>	<b>Tiêu chuẩn thiết kế cầu, hầm</b>	
1	Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ	TCVN 11823:2017
2	Hầm đường sắt và hầm đường ô tô - Tiêu chuẩn thiết kế (tham khảo)	TCVN 4527:1988
3	Thiết kế công trình chịu động đất	TCVN 9386:2012
4	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737:2023
5	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu bảo vệ chống ăn mòn trong môi trường biển	TCVN 9346 :2012
6	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu chung về thiết kế độ bền lâu và tuổi thọ trong môi trường xâm thực	TCVN 12041:2017
7	Bảo vệ chống ăn mòn cho kết cấu xây dựng	TCVN 12251:2020
8	Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10304:2025
9	Móng cọc ống thép dạng cọc đơn dùng cho công trình cầu - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10834:2015
10	Thiết kế công trình phụ trợ trong thi công cầu	TCVN 11815:2017
11	Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5573:2011
12	Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
13	Thiết kế kết cấu thép	TCVN 5575:2024
14	Co ngót từ biển bê tông	CEB-FIB 2010
<b>IV</b>	<b>Tiêu chuẩn thiết kế điện</b>	
1	Tiêu chuẩn chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng	TCVN 13608:2023
2	Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 9206:2012
3	Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 9207:2012
4	Đèn điện - Phần 2-3: Yêu cầu cụ thể - Đèn điện dùng cho chiếu sáng đường và phố	TCVN 7722-2-3:2019
5	Tiêu chuẩn thiết kế điều khiển giao thông đường bộ bằng đèn tín hiệu	TCCS 24:2018/TCĐBVN

<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chuẩn</b>	<b>Mã hiệu</b>
6	Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống	TCVN 9385:2012
<b>V</b>	<b>Tiêu chuẩn thiết kế cây xanh, hạ tầng kỹ thuật</b>	
1	Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 9257:2012
2	Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20/12/2005 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn quản lý cây xanh đô thị được sửa đổi, bổ sung một số điều tại thông tư số 20/2009/TT-BXD ngày 30/6/2009 và bãi bỏ một số điều tại thông tư số 05/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021.	20/2005/TT-BXD 20/2009/TT-BXD 05/2021/TT-BXD
3	Cống, bể, hầm, hồ, rãnh kỹ thuật và tủ đầu cấp viễn thông - Yêu cầu kỹ thuật.	TCVN 8700:2011
4	Công trình thủy lợi - Đường ống áp lực bằng thép - Yêu cầu kỹ thuật trong thiết kế, chế tạo và lắp đặt.	TCVN 8636:2011
5	Công trình thủy lợi - Trạm bơm cấp, thoát nước - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13505:2022
6	Cấp nước - Thuật ngữ và định nghĩa	TCVN 4037: 2012
7	Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 4513:1988
8	Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13606:2023
9	Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế	TCVN 2622:1995
10	Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bọt - Yêu cầu thiết kế và lắp đặt	TCVN 7336:2021
11	Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13456:2022
12	Phòng cháy chữa cháy - Hầm đường bộ - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13878:2023
<b>VI</b>	<b>Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu</b>	
1	Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công	TCVN 4252:2012
2	Tổ chức thi công	TCVN 4055: 2012
3	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
4	Thi công cầu đường bộ	TCVN 12885:2020
5	Công trình xây dựng - Phân cấp đá trong thi công	TCVN 11676:2016
6	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
7	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
8	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020
9	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020
10	Vật liệu nền, móng mặt đường - Phương pháp xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
11	Vải địa kỹ thuật - Phương pháp thử	TCVN 8871:2011
12	Gia cố nền đất yếu bằng giằng cát - Thi công và nghiệm thu	TCVN 11713:2017
13	Gia cố nền đất yếu bằng bác thấm - Thiết kế, thi công và nghiệm thu	TCVN 9355:2013
14	Lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8857:2011
15	Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8858:2023
16	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
17	Bê tông nhựa - Phương pháp thử	TCVN 8860:2011
18	Áo đường mềm- Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
19	Quy trình thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011
20	Mặt đường láng nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8863:2025
21	Mặt đường ô tô - Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3,0 mét	TCVN 8864:2011
22	Mặt đường ô tô - Phương pháp đo và đánh giá xác định độ bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011
23	Mặt đường ô tô - Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát - Thử nghiệm	TCVN 8866:2011
24	Áo đường mềm - Xác định độ võng đàn hồi bằng phương pháp cần Benkelman	TCVN 8867:2025
25	Lớp mặt bê tông nhựa rỗng thoát nước - Yêu cầu thi công và nghiệm thu	TCVN 13048:2024
26	Bitum - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7493:2005
27	Bitum - Phương pháp lấy mẫu	TCVN 7494:2005
28	Bitum - Các phương pháp thử	TCVN 7495÷7499:2005 TCVN 7500:2023

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
		TCVN 7501÷7504:2005
29	Nhũ tương nhựa đường polime gốc axit	TCVN 8816:2011
30	Nhũ tương nhựa đường axit - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 8817:2011
31	Nhựa đường lỏng	TCVN 8818-1:2025 TCVN 8818-2÷5:2011
32	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
33	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 13567- 1÷3:2022 TCVN 13567- 4÷5:2024 TCVN 13567- 6÷7:2025
34	Nhựa đường phân cấp theo đặc tính làm việc - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 13049:2020
35	Nhũ tương nhựa đường axit thấm bám (EAP)- Yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu	TCVN 14270:2024
36	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp đá vữa nhựa (SMA) - Thi công và nghiệm thu.	TCCS 36:2021/TCĐBVN
37	Lớp mặt đường bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường có thêm phụ gia SBS theo phương án trộn khô tại trạm trộn - Thi công và nghiệm thu	TCCS 43:2022/TCĐBVN
38	Hỗn hợp nhựa - Phương pháp thử vết hằn bánh xe	TCVN 13899:2023
39	Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 40:2022/TCĐBVN
40	Kiểm tra hệ số ma sát trượt	ASTM D1894-24
41	Bê tông cường độ cao - Thiết kế thành phần mẫu hình trụ	TCVN 10306 :2014
42	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453:1995
43	Nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
44	Xi măng poóc lăng	TCVN 2682:2020
45	Xi măng pooc lăng pudolan - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4033:1995
46	Xi măng poóc lăng bền sulfat	TCVN 6067:2018
47	Xi măng poóc lăng hỗn hợp	TCVN 6260:2020
48	Xi măng - Các phương pháp thử	TCVN 4029,4031,4032:1985

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
		TCVN 6016:2011 TCVN 6017:2015 TCVN 13605:2023
49	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570:2006
50	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử	TCVN 7572-(1÷20):2006 TCVN 7572-21÷22:2018
51	Xi măng xây trát	TCVN 9202:2012
52	Xi măng pooc lăng hỗn hợp - Phương pháp xác định hàm lượng phụ gia khoáng	TCVN 9203:2012
53	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co	TCVN 9204:2012
54	Cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012
55	Phụ gia hóa học cho bê tông	TCVN 8826:2024
56	Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa - Silicafume và tro trấu nghiền mịn	TCVN 8827:2011
57	Hỗn hợp bê tông và bê tông - Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022
58	Hỗn hợp bê tông nặng - Phương pháp xác định các chỉ tiêu	TCVN 3108:1993 TCVN 3110:1993
59	Hỗn hợp bê tông - Phương pháp xác định các chỉ tiêu	TCVN 3106, 3107, 3109, 3111:2022
60	Bê tông - Phương pháp xác định các chỉ tiêu	TCVN 3112÷3120:2022
61	Vữa xây dựng - Phương pháp thử	TCVN 3121:2022
62	Bê tông - Yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828:2011
63	Bê tông khối lớn - Thi công và nghiệm thu	TCVN 14334:2025
64	Bê tông - Phương pháp xác định cường độ lăng trụ, môđun đàn hồi và hệ số Poisson	TCVN 5726:2022
65	Sản phẩm bê tông cốt thép ứng lực trước - Yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra chấp nhận	TCVN 9114:2019
66	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
67	Bê tông nặng - Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
68	Bê tông nặng - Phương pháp thử không phá hủy - Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012

<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chuẩn</b>	<b>Mã hiệu</b>
69	Bê tông nặng - Phương pháp xác định hàm lượng sunfat	TCVN 9336:2012
70	Bê tông nặng - Xác định độ thấm ion bằng phương pháp đo điện lượng	TCVN 9337:2012
71	Hỗn hợp bê tông nặng - Phương pháp xác định thời gian đông kết	TCVN 9338:2012
72	Bê tông và vữa xây dựng - Phương pháp xác định pH bằng máy đo pH	TCVN 9339:2012
73	Hỗn hợp bê tông trộn sẵn - Yêu cầu cơ bản đánh giá chất lượng và nghiệm thu	TCVN 9340:2012
74	Công trình bê tông cốt thép toàn khối xây dựng bằng cốt pha trượt - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9342:2012
75	Kết cấu bê tông cốt thép - Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
76	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm	TCVN 9345:2012
77	Cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn - Phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012
78	Bê tông cốt thép - Kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn - Phương pháp điện thế	TCVN 9348:2012
79	Lớp phủ mặt kết cấu xây dựng - Phương pháp kéo đứt thử độ bám dính nền	TCVN 9349:2012
80	Kết cấu bê tông cốt thép - Phương pháp điện từ xác định chiều dày bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
81	Bê tông - Phương pháp siêu âm xác định cường độ chịu nén	TCVN 13536:2022
82	Bê tông - Phương pháp xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252:2020
83	Vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4314:2022
84	Thép cốt bê tông	TCVN 1651-1,2:2018 TCVN 1651-3:2008
85	Thép cốt bê tông cốt thép dự ứng lực	TCVN 6284:1997
86	Tiêu chuẩn kỹ thuật của tao cáp 7 sợi đùng cho bê tông dự ứng lực	ASTM A416
87	Thanh thép cường độ cao	JIS G3137/ ASTM A722
88	Thép cốt bê tông - Mối nối bằng ống ren	TCVN 13711:2023

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
89	Lưới thép hàn dùng trong kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế, thi công lắp đặt và nghiệm thu	TCVN 9391:2012
90	Thép cốt bê tông - Hàn hồ quang	TCVN 9392:2012
91	Tạo cáp dự ứng lực - Phương pháp xác định độ tự chùng ứng suất khi kéo	TCVN 10270 :2014
92	Thép thanh dự ứng lực - Phương pháp thử kéo đồng bộ	TCVN 11243:2016
93	Bộ neo cáp cường độ cao - neo tròn T13, T15 và neo dẹt D13, D15	TCVN 10568:2017
94	Thép tấm kết cấu cán nóng chất lượng kết cấu	TCVN 6522:2018
95	Thép tấm mỏng cán nóng chất lượng kết cấu có giới hạn chảy cao	TCVN 6523:2018
96	Thép cacbon tấm mỏng cán nguội chất lượng kết cấu	TCVN 6524:2018
97	Thép cacbon tấm mỏng chất lượng kết cấu được mạ kẽm và hợp kim Kẽm - Sắt nhúng nóng liên tục	TCVN 6525:2018
98	Thép các bon cán nóng dùng làm kết cấu trong xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 5709:2009
99	Thép hình cán nóng	TCVN 7571-1,2,11,15,16,21:2019 TCVN 7571-5:2006 TCVN 7571-16:2017
100	Kết cấu thép - Yêu cầu kỹ thuật chung về chế tạo, lắp ráp và nghiệm thu	TCVN 10307 :2014
101	Dầm cầu thép - Liên kết bằng bu lông cường độ cao - thi công và nghiệm thu	TCVN 10567:2017
102	Tiêu chuẩn kỹ thuật thép kết cấu	ASTM A709M
103	Thép hợp kim thấp	ASTM A242
104	Đinh neo chịu cắt	ASTM A108
105	Bu lông và đinh tán thép cacbon	ASTM A307
106	Bu lông cường độ cao dùng cho các liên kết	ASTM A325M
107	Đai ốc thép cacbon và hợp kim - Tiêu chuẩn kỹ thuật	AASHTO M291M (ASTM A563M) hoặc AASHTO M292M (ASTM A194M)
108	Vòng đệm thép tôi - Tiêu chuẩn kỹ thuật	ASTM F43 GM
109	Tiêu chuẩn kỹ thuật thép ống hàn đúc	AASHTO A53M-07
110	Quy trình hàn cầu thép	ANSI/AASHTO/AWS D1.5-2002

<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chuẩn</b>	<b>Mã hiệu</b>
111	Nhôm và hợp kim nhôm gia công áp lực - Que/thanh, ống và sản phẩm định hình ép đùn	TCVN 12513:2018
112	Tiêu chuẩn kỹ thuật mạ kẽm nhúng nóng cho kim loại thành phẩm và bán thành phẩm	ASTM A123M- 08
113	Lớp phủ kim loại - Chiều dày lớp phủ - Phương pháp phổ tia X	TCVN 10310:2014
114	Cọc - Phương pháp thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
115	Đóng và ép cọc- Thi công và nghiệm thu	TCVN 9394:2012
116	Cọc khoan nhồi - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TCVN 9395:2012
117	Cọc khoan nhồi - Xác định tính đồng nhất của bê tông - Phương pháp xung siêu âm	TCVN 9396:2012
118	Cọc - Kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp động biến dạng nhỏ	TCVN 9397:2012
119	Cọc - Phương pháp thử động biến dạng lớn	TCVN 11321:2016
120	Vật liệu Bentonite - Phương pháp thử	TCVN 11893:2017
121	Dung dịch Bentonite Polyme - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 13068:2020
122	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước	TCVN 7888:2014
123	Cọc ống thép	TCVN 9245:2024
124	Cọc ống ván thép	TCVN 9246:2024
125	Cọc ván thép cán nóng	TCVN 9685:2013
126	Cọc ván thép cán nóng hàn được	TCVN 9686:2013
127	Cọc ống thép và cọc ván ống thép sử dụng trong xây dựng công trình cầu - thi công và nghiệm thu	TCVN 10317:2014
128	Que hàn điện dùng cho thép các bon thấp và thép hợp kim thấp - Phương pháp thử	TCVN 3909:2000
129	Gối cầu cao su cốt bản thép không có tấm trượt trong cầu đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 10308:2014
130	Gối cầu kiểu chậu - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 10268:2014
131	Gối cầu kiểu chậu - Phương pháp thử	TCVN 10269:2014
132	Tiêu chuẩn kỹ thuật gối cầu	AASHTO D5977-03
133	Khe co giãn thép dạng răng lược - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 13067:2020
134	Khe co giãn chèn Asphalt - Yêu cầu kỹ thuật và thi công	TCCS 25:2019/TCĐBVN

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
135	Tiêu chuẩn kỹ thuật khe co giãn	AASHTO M297-2006
136	Lớp phủ trên nền bê tông xi măng và nền vữa xây - Hướng dẫn giám sát thi công	TCVN 11475:2016
137	Hệ bảo vệ bề mặt bê tông - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 11839:2017
138	Băng chắn nước dùng trong mỗi nối công trình xây dựng - Yêu cầu sử dụng	TCVN 9384:2012
139	Vật liệu chống thấm - Băng chặn nước PVC	TCVN 9407:2014
140	Công trình thủy lợi - Màng chống thấm HDPE - Thiết kế, thi công, nghiệm thu	TCVN 11322:2018
141	Sơn xây dựng - Phân loại	TCVN 9404:2012
142	Sơn tường. Sơn nhũ tương - Phương pháp xác định độ bền nhiệt ẩm của màng sơn	TCVN 9405:2012
143	Sơn - Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9406:2012
144	Sơn tín hiệu giao thông - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 8786:2011 TCVN 8787:2011 TCVN 8791:2011
145	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ dung môi và hệ nước - Quy trình thi công và nghiệm thu	TCVN 8788:2011
146	Sơn tín hiệu giao thông - Xóa vạch kẻ - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TCCS 30:2020/TCĐBVN
147	Lựa chọn hệ sơn	ISO 12944-5
148	Chuẩn bị bề mặt thép trước khi sơn	ISO 8501-1
149	Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại- Phương pháp thử trong điều kiện tự nhiên	TCVN 8785:2011
150	Sơn và vecni - Bảo vệ chống ăn mòn kết cấu thép bằng các hệ sơn bảo vệ	TCVN 12705-1÷4, 7÷9 :2021 TCVN 12705- 5÷6:2019
151	Sơn bảo vệ kết cấu thép - Quy trình thi công và nghiệm thu	TCVN 8790:2011
152	Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại - Phương pháp thử mù muối	TCVN 8792:2011
153	Sơn phủ bảo vệ kết cấu thép - Hướng dẫn kiểm tra, giám sát quá trình thi công	TCVN 9276:2012
154	Sơn và vecni - Phương pháp thử thời tiết nhân tạo - Thử nghiệm dưới đèn huỳnh quang tử ngoại và nước	TCVN 9277:2012
155	Màn phản quang dùng cho biển báo hiệu đường bộ	TCVN 7887:2018

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
156	Vật liệu kẻ đường phản quang - Màu sắc - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 10832:2015
157	An toàn thi công cầu	TCVN 8774:2012
158	Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác	TCCS 14:2016/TCĐBVN
159	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Đèn cảnh báo an toàn	TCVN 12680:2019
160	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Giải phân cách và lan can phòng hộ - Kích thước và hình dạng	TCVN 12681:2019
161	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Đinh phản quang - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12584:2019
162	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Thiết bị dẫn hướng và tấm phản quang - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12585:2019
163	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Tấm chống chói - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12586:2019
164	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Trụ tiêu dèo phân làn - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12587:2019
165	Hệ thống cấp thoát nước bên trong nhà và công trình - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4519:1988
166	Hệ thống cấp thoát nước - Quy phạm quản lý kỹ thuật	TCVN 5576:1991
167	Ống polyvinyl clorua cứng (PVC-U) dùng để cấp nước - Hướng dẫn thực hành lắp đặt	TCVN 6250:1997
168	Ống thép cho đường nước và đường nước thải	TCVN 11221:2015
169	Hệ thống ống chất dẻo thoát nước và nước thải chôn ngầm không chịu áp	TCVN 11821:2017
170	Công trình thủy lợi - Máy bơm nước - Yêu cầu kỹ thuật lắp đặt và nghiệm thu	TCVN 8637:2021
171	Công trình thủy lợi - Máy bơm nước - Yêu cầu kỹ thuật lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa máy bơm chìm.	TCVN 8638:2011
172	Công trình thủy lợi - Máy bơm nước - Phương pháp thử nghiệm	TCVN 8639:2023
173	Phòng cháy, chữa cháy - Vòi đẩy chữa cháy	TCVN 5740:2023
174	Thiết bị chữa cháy - Trụ nước chữa cháy	TCVN 6379:2024
175	Phòng cháy, chữa cháy - Bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy	TCVN 7435:2004
176	An toàn điện - Thuật ngữ và định nghĩa	TCVN 3256:1979
177	Bộ điều khiển bóng đèn	TCVN 7590-2-1:2007

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
		TCVN 7590-2-7:2013 TCVN 7590-2-9:2007 TCVN 7590-2-13:2013
178	Phụ kiện dùng cho bóng đèn - Ba lát dùng cho bóng đèn phóng điện (không kể bóng đèn huỳnh quang dạng ống) - Yêu cầu về tính năng	TCVN 7684:2007
179	Môđun LED dùng cho chiếu sáng thông dụng - Quy định về an toàn	TCVN 8781:2015
180	Bóng đèn LED có balát lắp liền dùng cho chiếu sáng thông dụng làm việc ở điện áp lớn hơn 50 V - Quy định về an toàn	TCVN 8782:2017
181	Bóng đèn led có balát lắp liền dùng cho chiếu sáng thông dụng làm việc ở điện áp lớn hơn 50v - Yêu cầu về tính năng	TCVN 8783:2015
182	Tính năng đèn điện	TCVN 10885:2015
183	Cáp điện có cách điện dạng đùn và phụ kiện cáp điện dùng cho điện áp danh định từ 1kV ( $U_m=1,2kV$ ) đến 30kV ( $U_m=36kV$ )	TCVN 5935:2013
184	Cáp và dây dẫn điện - Phương pháp thử cách điện và vỏ bọc (Hợp chất dẻo và nhựa chịu nhiệt)	TCVN 5936:1995
185	Ruột dẫn của cáp cách điện	TCVN 6612:2007
186	Thử nghiệm cáp điện và cáp quang trong điều kiện cháy	TCVN 6613:2010
187	Phương pháp thử nghiệm chung đối với vật liệu cách điện và vật liệu làm vỏ bọc của cáp điện và cáp quang	TCVN 6614:2008
188	Hệ thống ống dùng cho lắp đặt cáp	TCVN 7417-1:2010 TCVN 7417-21÷22, 24÷25:2004 TCVN 7417-23:2004
189	Hệ thống lắp đặt điện hạ áp	TCVN 7447-1:2010 TCVN 7447-4:2010 TCVN 7447-7:2011
190	Cáp điện lực đi ngầm trong đất - Phương pháp lắp đặt	TCVN 7997:2009
191	Lắp đặt cáp và dây dẫn điện trong các công trình công nghiệp	TCVN 9208:2012
192	Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp - Yêu cầu chung.	TCVN 9358:2012
193	Tiêu chuẩn kỹ thuật máy biến áp phân phối điện áp đến 35kV áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam	TCCS 01:2023/EVN
194	Tiêu chuẩn kỹ thuật máy biến áp phân phối tổn hao thấp áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam	TCCS 10:2021/EVN

TT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
195	Tiêu chuẩn kỹ thuật máy cắt hạ áp áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam	TCCS 11:2023/EVN
196	Tiêu chuẩn kỹ thuật chống sét van 22, 35 và 110 kV	TCCS 13:2021/EVN
197	Tiêu chuẩn kỹ thuật cách điện đường dây điện áp 22, 35 và 110 kV	TCCS 15:2021/EVN
198	Tiêu chuẩn kỹ thuật máy phát điện dự phòng hạ áp	TCCS 16:2021/EVN
199	Tiêu chuẩn kỹ thuật cáp ngầm trung áp và phụ kiện	TCCS 17:2021/EVN
200	Tiêu chuẩn kỹ thuật cáp ngầm 110kV và phụ kiện áp dụng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam	TCCS 19:2023/EVN
201	Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9377:2012
202	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn công tác bảo trì	TCVN 9343:2012
203	Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 14182 :2024
204	Đánh giá tải trọng khai thác cầu đường bộ	TCVN 12882:2020
205	Công trình dân dụng và quy trình kỹ thuật xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp đo cao hình học	TCVN 9360:2024
206	Sửa chữa mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TCCS 12:2016/TCĐBVN

Và một số tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan